

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2022/DS-ST
Ngày 17-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 13/01/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Ng đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đào Quốc T (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Danh Th (vắng mặt)

2. Ông Đào Quốc Ng (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 10 tháng 02 năm 2019, ông Nguyễn Việt S cho ông Đào Quốc T mượn số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 10/02/2019, thỏa thuận thời gian thanh toán nợ là ngày 10/5/2019, không tính lãi suất, đến thời gian thanh toán ông T không trả số tiền nợ trên cho ông, nên ông và ông T thỏa thuận mỗi tháng ông T trả cho ông 6.000.000 đồng, trả trong thời gian 10 tháng. Sau đó, ông T có trả nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 14/9/2019 trả 4.000.000 đồng, ngày 16/11/2019 trả 4.000.000 đồng, ngày 16/12/2019 trả 4.000.000 đồng, ngày 28/02/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 07/7/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 04/9/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 04/10/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 05/10/2020 trả 1.000.000 đồng, ngày 28/11/2020 trả 5.000.000 đồng, tổng số tiền ông T đã trả là 37.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Việt S thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đào Quốc T trả số tiền nợ vay còn lại là 13.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 28/11/2020 đến ngày xét xử vụ án đối với số tiền 13.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Việt S xác định, đối với ông Đào Quốc Ng và ông Danh Th chỉ là người nộp tiền trả thay cho ông T, ông Ng và ông Thắng không liên quan đến khoản nợ trên của ông T.

Ông Đào Quốc T, ông Đào Quốc Ng và ông Danh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Đào Quốc T yêu cầu trả tiền nợ vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đào Quốc T cư trú tại khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đào Quốc T, ông Đào Quốc Ng và ông Danh Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S xác định ông Đào Quốc T có vay 50.000.000 đồng, đã trả 37.000.000 đồng và còn nợ số tiền 13.000.000 đồng, ông S yêu cầu ông T trả số tiền nợ là 13.000.000 đồng. Để

chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Việt S cung cấp biên nhận nợ ngày 10/02/2019 có ông T ký và viết tên. Quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến phản đối, phản bác về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp, cũng không có yêu cầu phản tố. Từ đó, có đủ cơ sở xác định ông Đào Quốc T có vay của ông S 50.000.000 đồng và còn nợ ông S số tiền 13.000.000 đồng. Kể từ ngày 28/11/2020, ông T không thanh toán tiền vốn vay, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông S yêu cầu ông T phải chịu lãi suất chậm trả kể từ ngày 28/11/2020 đến ngày xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Do các đương sự không thỏa thuận được về mức lãi suất cụ thể nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.*

Như vậy, mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm (0,83%/tháng). Thời gian vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 28/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/6/2022 là 18 tháng 20 ngày là: 13.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng 20 ngày = 2.014.133 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 15.014.133 đồng.

[4] Ông S xác định ông Đào Quốc Ng và ông Danh Th có nộp tiền trả thay cho ông Đào Quốc T, ông Th và ông Ng không liên quan đến khoảng nợ của ông Đào Quốc T, không yêu cầu ông Ng và ông Th trả nợ nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do T bộ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Việt S được hoàn lại T

bộ tiền tạm ứng án phí, ông Đào Quốc T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Đào Quốc T trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ vay vốn và lãi là 15.014.133 đồng (mười lăm triệu không trăm mười bốn nghìn, một trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đào Quốc T phải chịu 750.706 (bảy trăm năm mươi nghìn, bảy trăm lẻ sáu) đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 575.000 (năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017443 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả T bộ cho ông Nguyễn Việt S 575.000 (năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đào Quốc T, ông Đào Quốc Ng và ông Danh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn

